

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

CẬP NHẬT THÔNG TIN CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CỦA CHỈ SỐ VN50 GROWTH

Kỳ: 4/2026

Stt	Mã cổ phiếu	Tên công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free - float làm tròn (%)	Giới hạn trọng số tăng trưởng (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	5,136,656,599	85%	85%	61.19%	
2	BID	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	7,021,361,917	6%	100%	61.19%	
3	CII	CTCP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	671,985,291	95%	85%	100%	
4	CTG	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	7,766,944,637	15%	100%	61.19%	
5	DGC	CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	379,778,413	60%	85%	100%	
6	DIG	Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	796,431,191	95%	100%	100%	
7	DXG	CTCP Tập đoàn Đất Xanh	1,112,384,189	80%	90%	100%	
8	EIB	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	1,862,720,607	80%	85%	61.19%	
9	FPT	CTCP FPT	1,703,507,121	85%	95%	100%	
10	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	170,301,785	55%	100%	100%	
11	GEX	CTCP Tập đoàn GELEX	902,398,948	70%	100%	100%	
12	GMD	CTCP Gemadept	426,495,109	95%	100%	100%	
13	HCM	CTCP Chứng Khoán TP HCM	1,079,956,671	60%	85%	61.19%	
14	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	5,005,276,323	80%	100%	61.19%	
15	HPG	CTCP Tập Đoàn Hòa Phát	7,675,465,855	55%	100%	100%	
16	KBC	Tổng Công ty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP	941,754,759	55%	100%	100%	
17	KDH	CTCP Đầu Tư và Kinh Doanh Nhà Khang Điền	1,122,214,899	65%	85%	100%	
18	LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	2,987,282,100	95%	100%	61.19%	
19	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	8,054,999,909	50%	85%	61.19%	
20	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	3,120,000,000	70%	85%	61.19%	
21	MSN	CTCP Tập Đoàn Masan	1,445,915,457	60%	100%	100%	
22	MWG	CTCP Đầu Tư Thế Giới Di Động	1,468,423,529	75%	100%	100%	
23	NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	1,715,686,480	80%	85%	61.19%	
24	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	485,097,383	80%	100%	100%	
25	NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	2,232,018,549	65%	85%	100%	
26	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	2,663,052,284	30%	85%	61.19%	
27	PDR	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	997,809,379	60%	85%	100%	
28	PNJ	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	341,149,107	90%	100%	100%	
29	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh	541,658,139	35%	85%	100%	
30	SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	855,112,589	60%	95%	100%	
31	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5,053,074,221	75%	95%	61.19%	
32	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	2,845,000,000	50%	85%	61.19%	
33	SSI	CTCP Chứng Khoán SSI	2,491,097,752	70%	100%	61.19%	
34	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1,885,215,716	95%	100%	61.19%	
35	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	7,086,240,414	55%	85%	61.19%	
36	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	912,109,224	60%	100%	100%	
37	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2,774,046,873	55%	85%	61.19%	
38	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	8,355,675,094	11%	85%	61.19%	
39	VCI	CTCP Chứng khoán Vietcap	1,147,635,000	70%	90%	61.19%	
40	VHM	CTCP Vinhomes	4,107,412,004	30%	100%	100%	
41	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	3,404,005,710	65%	85%	61.19%	
42	VIC	Tập Đoàn Vingroup - CTCP	7,706,031,024	35%	100%	41.92%	
43	VIX	CTCP Chứng khoán VIX	2,450,287,772	100%	100%	61.19%	
44	VJC	CTCP Hàng không Vietjet	591,611,334	45%	100%	100%	
45	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	1,522,299,908	75%	100%	61.19%	
46	VNM	CTCP Sữa Việt Nam	2,089,955,445	40%	85%	100%	
47	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	7,933,923,601	55%	100%	61.19%	
48	VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	320,049,577	50%	85%	100%	
49	VPL	CTCP Vinpearl	1,793,300,377	15%	85%	100%	
50	VRE	CTCP Vincom Retail	2,272,318,410	40%	100%	100%	

Danh mục cổ phiếu dự phòng chỉ số VN50 GROWTH

Stt	Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)
1	EVF	Công ty Tài chính tổng hợp Cổ phần Điện lực	760,565,802	95%
2	VCG	Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	646,468,336	55%
3	HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	1,267,399,283	50%
4	HSG	CTCP Tập Đoàn Hoa Sen	620,982,309	70%
5	VSC	CTCP Container Việt Nam	374,370,362	95%
6	DBC	CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam	384,866,667	70%
7	SAB	Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	1,282,562,372	11%
8	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	2,412,949,756	5%
9	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	3,067,845,688	20%
10	VHC	CTCP Vĩnh Hoàn	224,453,159	45%